TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 4 -2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Quý.

2. Ông Nguyễn Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày14 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số1197/2019/TLST-HNGĐ ngày17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường D, thị xã Dĩ An (thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường D, thị xã Dĩ An (thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Phạm Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số B, đường DT 743A, khu phố C, phường T, thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An) tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2019 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị C trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Trần Quốc Q có thời gian tìm hiểu nhau khoảng sáu năm thì tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 15/10/2014 theo giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2014. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê trọ sinh sống tại thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương đến nay. Hai vợ chồng đều làm viên chức nhà nước, thu nhập của chị khoảng 9 triệu một tháng, thu nhập của anh Q thì chị không rõ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q ham chơi bài bạc ăn tiền, gây nợ nần, sống không có trách nhiệm với gia đình và không tôn trọng bên gia đình nhà chị. Hiện nay anh chị vẫn sống cùng nhà trọ nhưng không còn sinh hoạt chung, việc ai người đó làm không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 18/5/2015. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 06/01/2020 bị đơn anh Trần Quốc Q trình bày*: Thống nhất với lời khai của chị C về thời gian tìm hiểu, kết hôn và công việc của hai vợ chồng. Anh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng khó khăn về kinh tế và cũng một phần do anh ham chơi nhưng khoảng hai năm nay anh đã không còn ham chơi bên ngoài, đã biết lo cho gia đình. Anh xác định còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Do không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung. Đối với tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2020 người làm chứng là chị Phạm Thị H trình bày:* Chị C, anh Q thuê trọ tại nhà chị từ khoảng cuối năm 2016 đến cuối năm 2019. Quá trình ở trọ thì anh Q, chị C thường xuyên cãi nhau, chị cũng không rõ nguyên nhân nhưng có nghe hàng xóm nói rằng anh Q không tu chí làm ăn, hay đánh bài ăn tiền, không có ý thức giữ gìn môi trường sống tại nơi ở trọ như xả rác, đổ nước bừa bãi, mở nhạc to bất kể giờ giấc làm ảnh hưởng đến hàng xóm. Thỉnh thoảng chị C có tâm sự với chị là anh Q đánh bài thua hết tiền của mình thì về lấy tiền của gia đình để đi đánh bài, anh Q không phụ chị C tài chính, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do chị C lo liệu. Ngày 23/02/2020 khi chị đến gặp vợ chồng chị C để nhận lại chìa khóa nhà, do 2 vợ chồng ly hôn chị C trả lại nhà cho chị thì thấy anh Q xông vào đánh chị C, chị vào can cũng bị anh Q hất té vào tường nhà, chị điện thoại báo tổ dân phố vào để can thiệp thì anh Q lên xe phóng bỏ đi, trước khi đi con chửi những người có mặt chứng kiến sự việc. Khi cán bộ tổ dân phố vào thì anh Q không còn ở đó nữa.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn* giữa chị C và anh Q do Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 21/02/2020, Hội Liên hiệp phụ nữ phường cung cấp thông tin như sau: Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải hôn nhân giữa chị Lê Thị C và anh Trần Quốc Q, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 để xét xử vắng mặt bị đơn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Trần Quốc Q đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 26/3/2020 và 14/4/2020 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị C, anh Q và chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C và anh Trần Quốc Q là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày15/10/2014 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị C cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc anh Q không quan tâm lo lắng cho gia đình, không phụ giúp chị C tài chính trong sinh hoạt gia đình, đã vậy anh Q còn ham chơi bên ngoài, đánh bài gây nợ. Việc anh Q ham chơi cũng được chính bản thân anh Q thừa nhận trong bản tự khai của mình. Anh Q không những không vun vén cuộc sống gia đình, khi chị C nộp đơn yêu cầu ly hôn thì anh Q còn đánh đập chị C, chị H (là người cho anh Q, chị C) thuê trọ đã chứng kiến việc này.

[4] Trong bản tự khai anh Q trình bày còn thương vợ, con không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C nhưng quá trình tiến hành tố tụng bản thân anh Q không có thiện chí hòa giải đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không chấp hành theo giấy triệu của Tòa án. Điều này chứng tỏ anh Q không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị C và anh cũng không còn thực sự thương vợ, con như lời trình bày của anh.

[5] Cũng theo chị C trình bày anh, chị tuy còn sống chung nhà nhưng thực chất vợ chồng đã ly thân với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, việc ai người đó làm, điều này chứng tỏ mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 18/5/2015. Do không đồng ý ly hôn nên anh Q không yêu cầu giải quyết về con chung. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Việc giao con cho ai chăm sóc cũng đều phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung. Thu nhập của chị C hiện nay là hơn 9.000.000 đồng một tháng, cháu bé cũng do chị là người trực tiếp chăm sóc từ trước tới nay, bản thân anh Q có công việc ổn định nhưng do ham chơi, bản thân còn có tật xấu là đánh bài ăn tiền gây nợ nần, nên không đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cho cháu L. Cháu L hiện nay còn nhỏ cũng cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, giao cháu L cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị C được ly hôn với anh Trần Quốc Q (theo giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 15/10/2014).

2. Về con chung: Anh Trần Quốc Q giao con chung Trần Bảo L, sinh ngày 18/5/2015 cho chị Lê Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị C về việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị C phải tạo điều kiện cho anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền ngăn cản anh Q thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0039826 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự (3);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Kim Hoa